

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đức Chung
2. Ông Nguyễn Ngọc Giang San

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 741/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 10, Ấp 1B, xã P, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thùy L sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 1B, xã P, huyện L, tỉnh Đ.

(Ông Q, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2022 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q trình bày:*

Ông và bà L chung sống tự nguyện năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn ông bà chung sống đến khoảng năm 2003 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn hay cãi nhau và bà L đã bỏ đi đâu không rõ tin tức từ thời

gian đó đến nay. Nay yêu cầu Tòa giải quyết cho ông ly hôn bà L do vợ chồng đã hết tình cảm và bà L đã bỏ đi không về nhà.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh năm 1992 và Nguyễn Thành D, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng bà Nguyễn Thùy L vắng mặt.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện; Căn cước công dân và sổ hộ khẩu ông Q (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh các con (bản sao chứng thực); Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 224/2021/UBND-XNTTHN không rõ ngày tháng năm (bản phô tô); Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2022/QĐST-DS ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành (bản chính); Bản tự khai ông Q ngày 10/11/2022; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thái ngày 13/11/2022 (bản chính).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thùy L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q, bà L.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điểm c, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Q, bà L chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Nay ông Q yêu cầu ly hôn, bà Linh đã bỏ địa phương đi và Tòa án đã tuyên bố bà L mất tích nên đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận ông Q, bà L là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh năm 1992 và Nguyễn Thành D, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn bà Nguyễn Thùy L nhưng bà L vắng mặt không có lý do, ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q, bà L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông q, bà L chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên năm 2003 bà L bỏ đi. Sau đó, ông Q có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà L mất tích và được Tòa án nhân dân huyện Long Thành chấp nhận theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 07/2022/QĐST- DS ngày 05/8/2022, nay ông Q có đơn ly hôn. Xét thấy, việc ông Q, bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thùy L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh năm 1992 và Nguyễn Thành D, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[2] Về án phí: Ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thùy L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh năm 1992 và Nguyễn Thành D, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Minh Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006196 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, ông Q đã nộp xong án phí.

Ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thùy L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Dương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An